

Ngày	9,190 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	-6.2%	-6.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,860 - 10,017
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	13,104,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,243
Sở hữu nước ngoài	7.8%
Beta	0.04
EPS	680
P/E	13.5

DT thuần

Q1/24

56.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.4| -20.2%

YoY: ▼16.3| -22.3%

LN trước thuế

Q1/24

-0.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.55| -101%

YoY: ▲ 0.98| 95.9%

LN sau thuế

Q1/24

-0.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.50| -103%

YoY: ▲ 0.94| 92.5%

ROA

2023

1.9%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

2023

300

tỷ VNĐ

YoY: ▼51.0| -14.7%

LN trước thuế

2023

10.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.4| -51.5%

LN sau thuế

2023

8.24

tỷ VNĐ

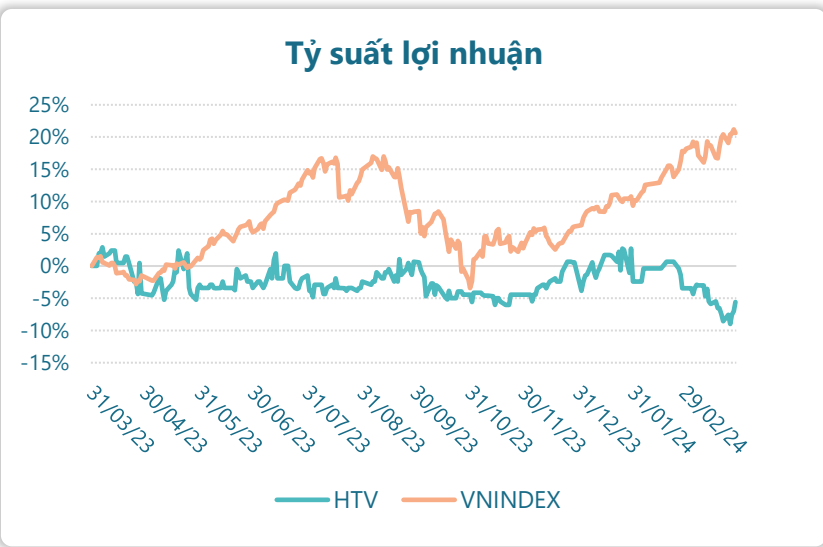
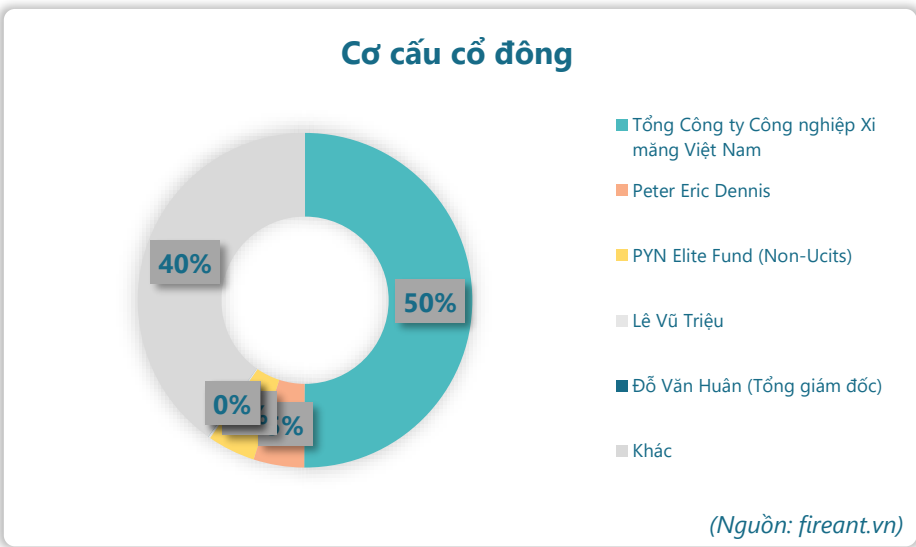
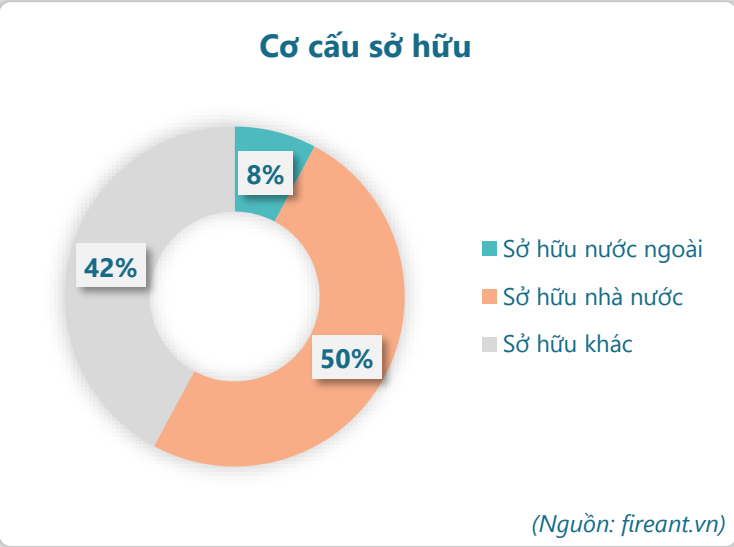
YoY: ▼9.46| -53.5%

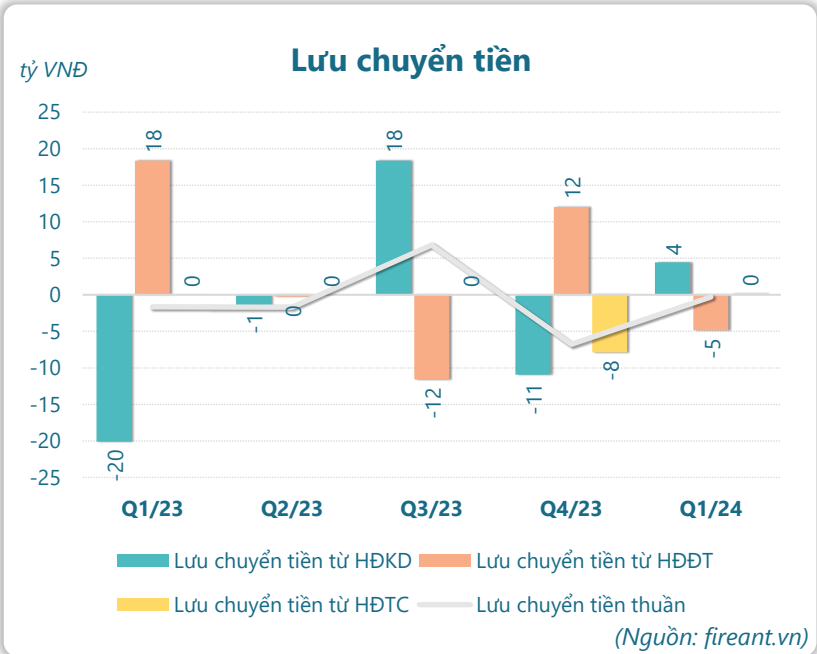
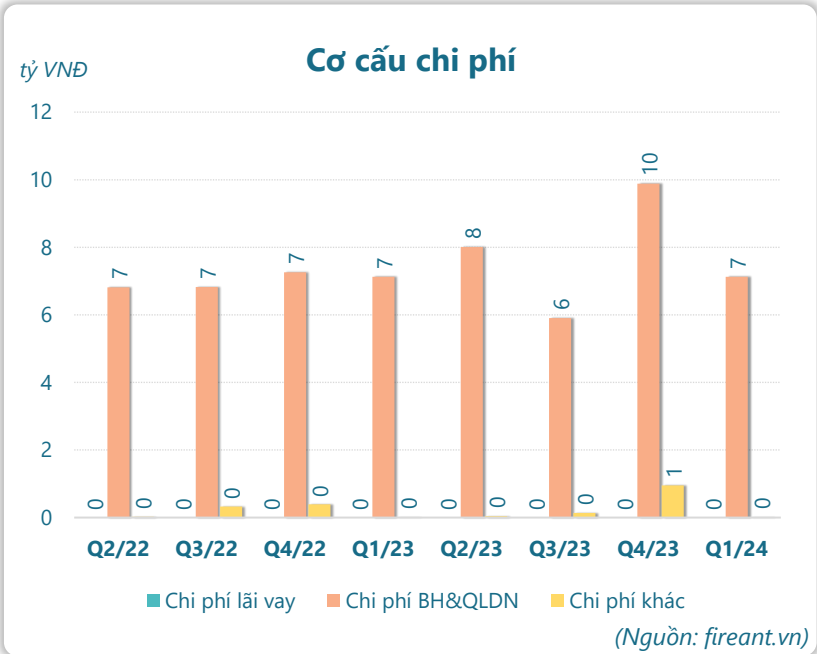
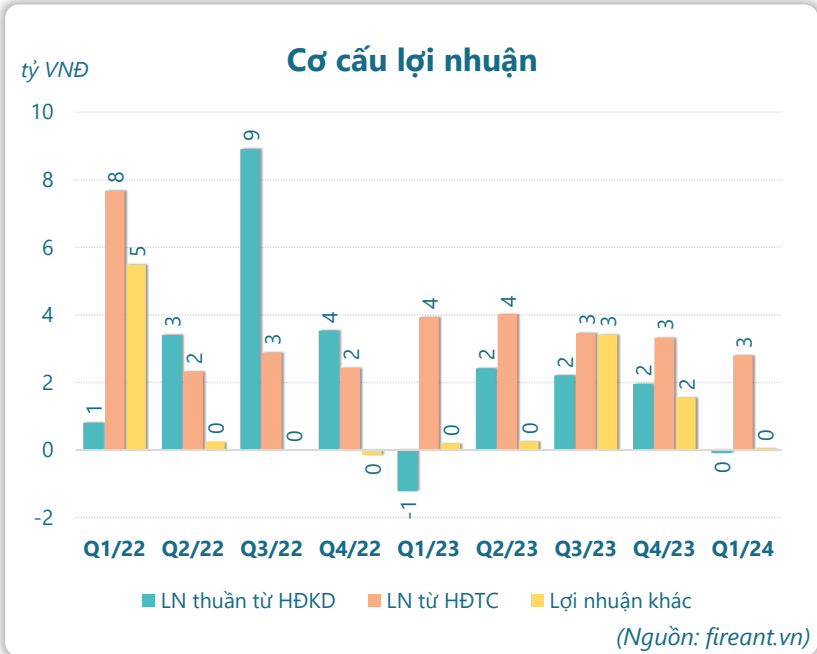
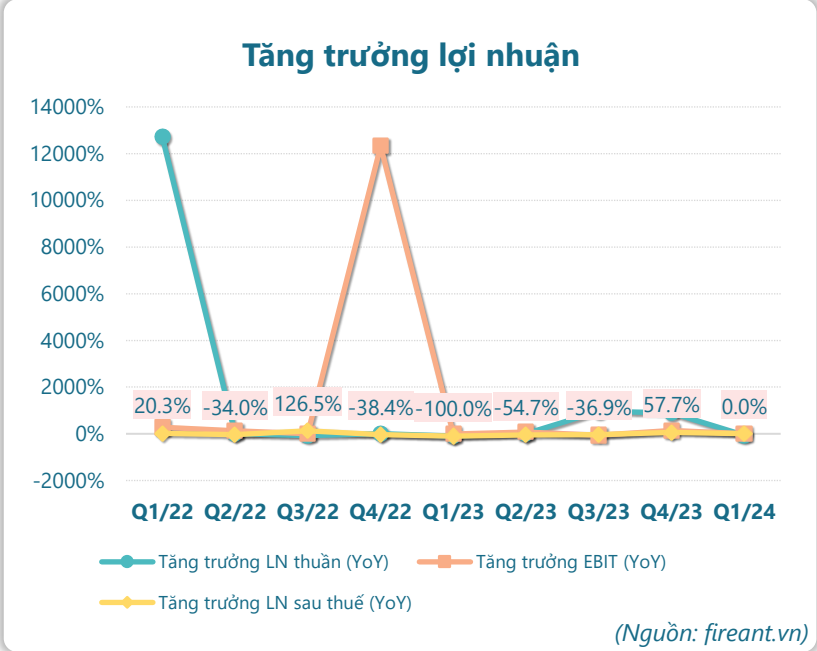
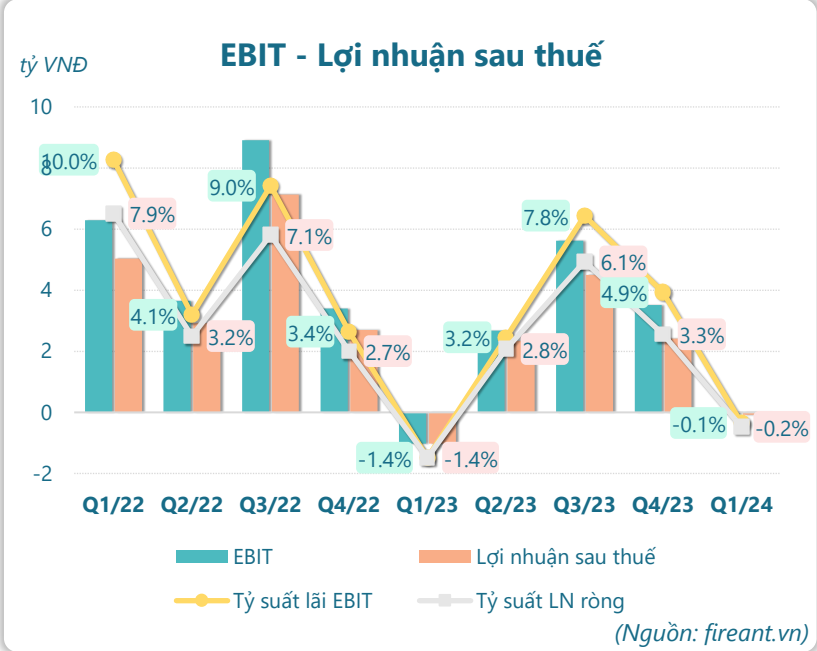
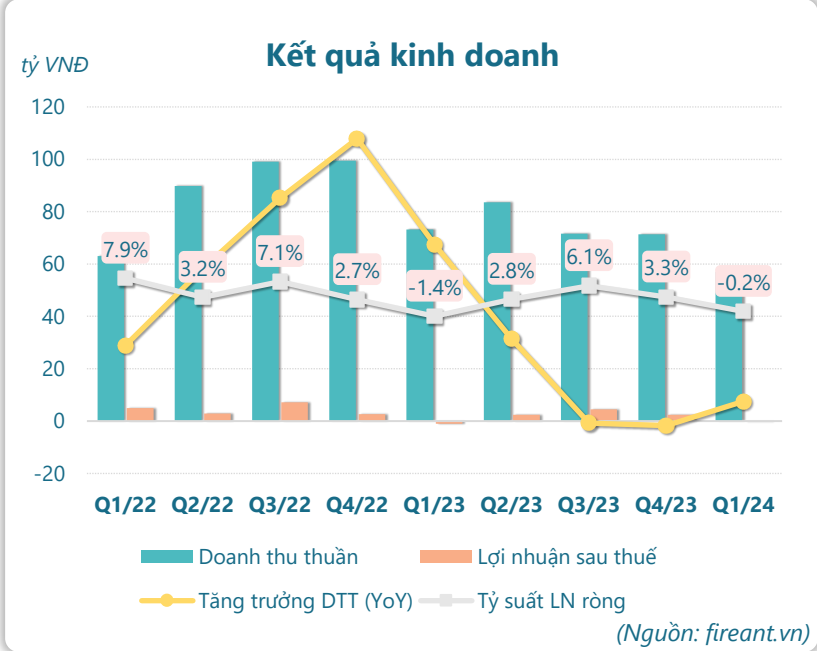
ROE

2023

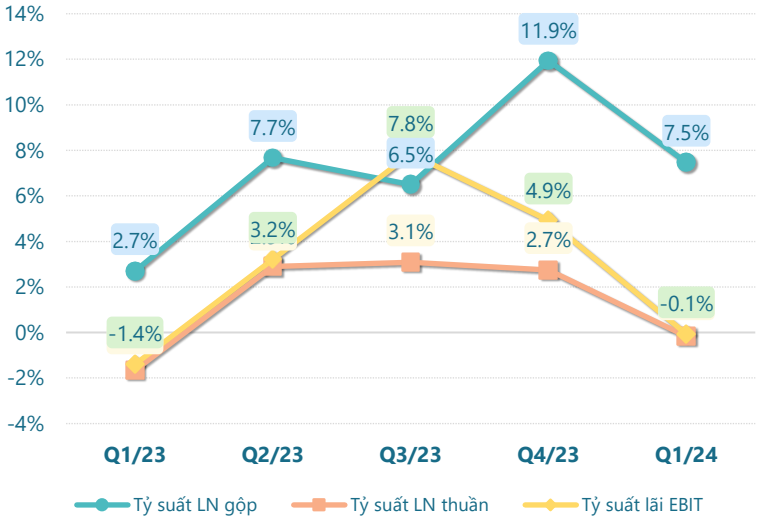
2.4%

+/- YoY: ▼ 2.8%

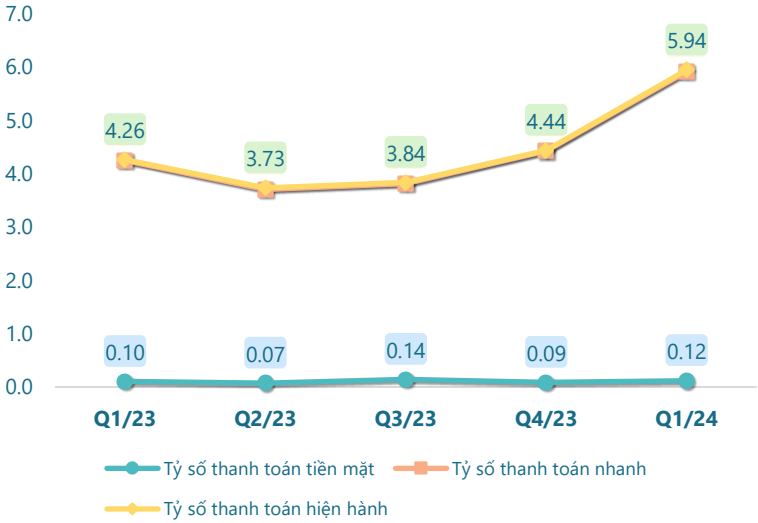




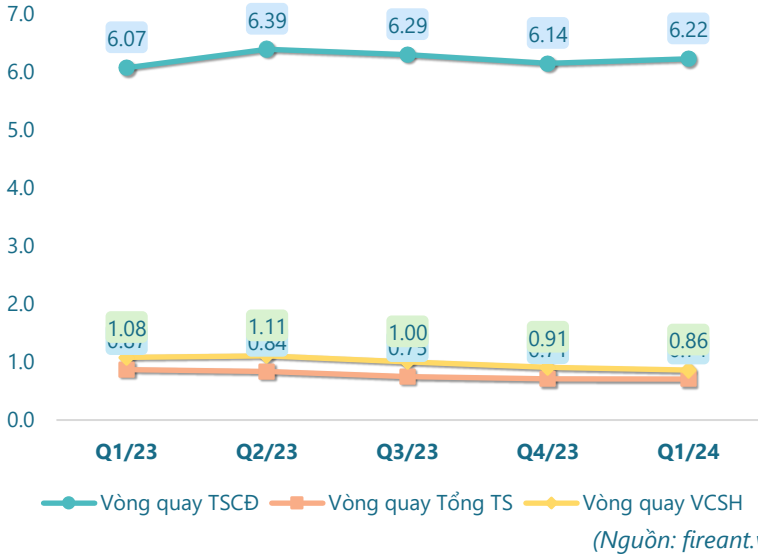
Tỷ suất lợi nhuận



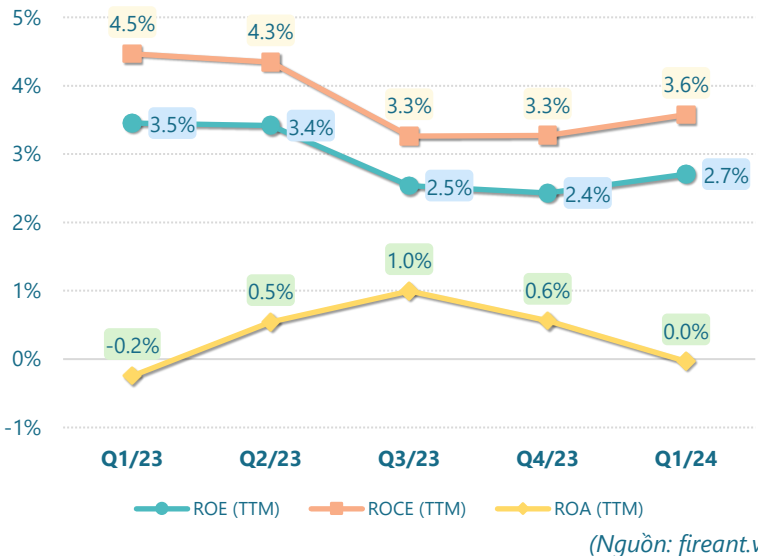
Chỉ số thanh khoản



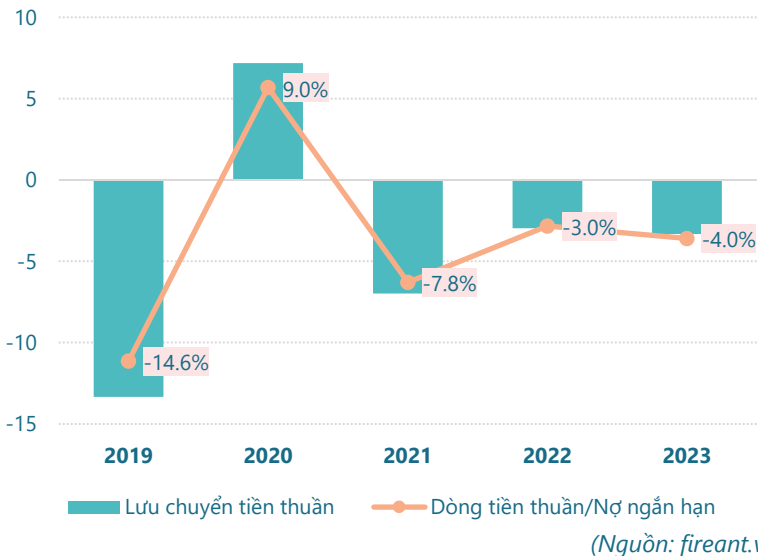
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

